TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:122/2019/QĐS-HNGĐ	*Quảng Xương.ngày 02 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; 213; Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số145/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Đới Sĩ B - SN 1989.
2. Chị Lê Thị T - SN 1991.

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về hôn nhân*:Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24/6/2019 anh Đới Sĩ B và chị Lê Thị T thống nhất anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 28/11/2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống không phù hợp,cuộc sống vợ chồng thường xuyên sảy ra va chạm, cãi vã lẫn nhau làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm vợ chồng. Tháng 6/2017 vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh B và chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Xét thấy: Tình cảm vợ chồng giữa anh B và chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thỏa thuận giữa anh và chị là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Anh B, chị T thống nhất có 02 con chung là Đới Thị Huyền A - Sinh ngày 26/01/2013, Đới Sĩ Khải N - Sinh ngày 26/12/2015. Ly hôn anh, chị thống nhất anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khải N, chị T nuôi dưỡng cháu Huyền A, không ai phải đóng góp tiền nuôi con chung với ai.

[3] ***Về tài sản và công nợ***: Anh, chị thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

[4] ***Về lệ phí***:Anh B, chị T thống nhất anh B chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đới Sĩ B và chị Lê Thị T.

- ***Về con chung***: Anh B, chị T có 02 con chung là Đới Thị Huyền A - Sinh ngày 26/01/2013, Đới Sĩ Khải N - Sinh ngày 26/12/2015. Anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khải N, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huyền A, không ai phải đóng góp tiền nuôi con chung với ai.

Anh B, chị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- ***Về tài sản và công nợ:*** Anh B, chị T thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- *Về lệ phí Tòa án:* Anh B chịu 300.000đ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 1611 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá. Anh B đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Quảng Xương.
- UBND xã Q, H.Q, Thanh Hóa;.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Mai Thị Lý